

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2018
V/v “tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Toàn**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phạm Thị Thu Giang**
2. Ông **Trần Quang Huân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Việt Dũng** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dương Thùy L**, sinh năm 1995.

Địa chỉ nơi ĐKKHKT: Khu 4, xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Hiện ở tại: Xóm 4, thôn Q, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội; *Có mặt.*

Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu 4, xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Dương Thùy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T kết hôn ngày 27/10/2014 trên cơ sở tự nguyện được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu 4, xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T chơi bời, nghiện ma túy không quan tâm đến vợ con thậm chí còn thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị nên chị đã về nhà mẹ đẻ tại xã V, huyện T, thành phố Hà

Nội ở từ tháng 7/2017 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Trí D, sinh ngày 23/10/2015 hiện đang ở với chị. Ly hôn chị xin nuôi cháu D và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Điều không có nên không đề nghị giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án cho anh T và triệu tập anh T đến Tòa án để giải quyết việc chị L xin ly hôn anh T, nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai. Tòa án đã tiến hành gửi cho anh T thông báo việc kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa hai bên đương sự với nhau nhưng anh T vẫn cố tình không có mặt do vậy không có bản tự khai và không kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ với anh T và làm thủ tục hòa giải giữa các đương sự với nhau được. Vì vậy, Tòa án không tiến hành làm thủ tục hòa giải được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án tiến hành đúng theo trình tự tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Thùy L và đề nghị xử cho chị L được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Trí D, sinh ngày 23/10/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị L khai không có nhưng anh T không có bản tự khai ở Tòa án không biết có hay không, sau này anh T có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác;

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về con chung giữa chị Dương Thùy L và anh Trần Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do chị L và anh T có nơi cư trú tại xã V, thị xã P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn T đã biết việc chị Dương Thùy L gửi đơn xin ly hôn ra tòa và trực tiếp nhận thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T đến để làm việc và thông báo mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và đã giao thông báo hợp lệ cho anh T nhưng anh T đều cố tình vắng mặt và cũng không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án, do vậy không có bản tự khai và không kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và làm thủ tục hòa giải giữa các đương sự với nhau được. Vì vậy, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử.

Phiên tòa lần thứ nhất ngày 30/3/2018, bị đơn anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn T.

[2] Về Về quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thùy L và anh Trần Văn T được xác lập có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là quan hệ hôn nhân tiến bộ và hợp pháp. Trong quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hòa thuận được 01 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T chơi bời, nghiện ma túy không quan tâm đến vợ con thậm chí còn thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị nên chị đã về nhà mẹ đẻ tại xã V, huyện T, thành phố Hà Nội ở từ tháng 7/2017 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập, thông báo việc kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa các bên đương sự với nhau nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt gây khó khăn cho chị L trong quá trình giải quyết vụ án. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị L xin

ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Trí D, sinh ngày 23/10/2015 hiện đang ở với chị L. Do anh T không có bản khai tại Tòa án nên không biết anh T có nguyện vọng xin được nuôi con hay không. Do vậy để đảm bảo quyền lợi cho cháu D nên giao cháu D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị L khai không có gì nhưng do hiện nay không có bản tự khai của anh T nên không xác định được có tài sản, công nợ, công sức gì. Sau này anh T có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Dương Thùy L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thùy L được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Xử giao cho chị Dương Thùy L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Trí D, sinh ngày 23/10/2015 cho đến khi cháu D trưởng thành và có khả năng lao động tự túc được. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không giải quyết.

Về án phí: Chị Dương Thùy L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 03368 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- VKSND thị xã Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND xã Vĩnh Quỳnh;
- Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Văn Toàn